

HỆ THỐNG GIÁO DỤC PHẬT GIÁO Ở TIỂU LỤC ĐỊA ẤN ĐỘ: MỘT QUAN ĐIỂM LỊCH SỬ

GS.TS. Jinabodhi Bhikkhu*

TÓM TẮT

Với sự ra đời và tiến bộ của Phật giáo, một hệ thống giáo dục hoàn chỉnh đổi mới đã được thiết lập tại tiểu lục địa này dành cho những người theo đạo Phật. Về cơ bản hệ thống giáo dục này dựa trên hệ thống đời sống Phật giáo. Vì Phật giáo là một tôn giáo mới nên hệ thống giáo dục của nó là một phần của hệ thống giáo dục Vệ Đà. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục Phật giáo không phải hoàn toàn là một phần của hệ thống giáo dục Vệ Đà, thay vào đó, các sinh viên lịch sử biết rằng hệ thống giáo dục Phật giáo là ưu việt nhất và tiến bộ hơn về nhiều mặt so với hệ thống giáo dục của thời kỳ Vệ Đà.

1. MỤC TIÊU CỦA HỆ THỐNG GIÁO DỤC PHẬT GIÁO

Mục tiêu chính của hệ thống giáo dục Phật giáo là để cải thiện năng lực tâm lý của tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, màu da, giai cấp và tính dục để xây dựng thân thể kiện tráng, phát triển tính cách và nhân cách. Mục tiêu đặc biệt của hệ thống giáo dục Phật giáo là bồi dưỡng khát vọng về tư tưởng của người học, tự tin, tự lực, phục vụ xã hội và trách nhiệm xã hội. Khía cạnh khác của hệ thống giáo dục Phật giáo là khiến cho nhân dân

* Trường khoa Pali, University of Chittagong , Bangladesh
Người dịch: Giác Hạnh Tâm và Phan Trung Hưng

được tự do và nhân dân lấy năng lực làm cơ sở bằng sự giáo dục trong nhiều chủ đề thế học như là nông nghiệp, thương mại, nuôi dưỡng gia súc, đối đãi đồng loại v.v... Có hai loại giáo dục trong hệ thống Phật giáo. Một là cho sự giáo dục Tăng đoàn và một nữa là sự giáo dục cộng đồng cư sĩ. Đặc tính chủ yếu của hệ thống giáo dục Phật giáo là hệ thống giáo dục Tăng đoàn. Trước khi nhập Đại Niết bàn (Nhập diệt sau cùng), Đức Phật trả lời cho đệ tử A Nan rằng: “Khi Ta không có ở đời, Tăng đoàn sẽ có trách nhiệm đối với sự giáo dục đệ tử”. Và sau đó, sự phát hiện hệ thống giáo dục rõ ràng và nhất quán là sự chứng minh việc chấp hành thành tựu của trách nhiệm này. Chúng tôi cảm kích chỗ tương ứng giữa hai câu chuyện của khách du lịch người Trung Quốc có tên là Tôn Trung Sơn như được ấn loát trong Tạng Luật (một trong những kinh điển trong Phật giáo) đã giảng thuật về hệ thống giáo dục Phật giáo cổ đại Ấn Độ

2. HỆ THỐNG GIÁO DỤC TĂNG ĐOÀN

Sau khi xuất gia, gia nhập Tăng đoàn Phật giáo, những người cầu học hướng đến tìm cầu những nhà giáo dục bày tỏ ý nguyện xuất gia của mình. Tiêu chuẩn để vào Tăng đoàn là tối thiểu bảy năm, sức khỏe tốt, có kỹ năng, không mắc nợ, và thực sự có tâm cầu tiến. Để gia nhập Tăng đoàn, những người cầu học phải thực tập ngũ giới từ mười ngày đến ba mươi ngày như là những tín đồ. Cuối cuộc đời của người ấy, một tín đồ thuần thành mặc y áo và bày tỏ ý nguyện của mình gia nhập Tăng đoàn. Nếu Tăng đoàn tìm cầu người cầu học để vào, thế thì họ thỉnh cầu A Xà Lê – Tăng già (giáo thọ sư – Tăng đoàn) sắp xếp những sự kiện chủ yếu. Lần này, những người cầu học được cạo đầu và đắp y và mang bình bát đi ra. Hòa thượng được gọi là Hòa Thượng Đản Đầu (Hòa thượng A Xà Lê). Trước mặt Hòa thượng A Xà Lê, giáo thọ sư Tăng già đọc tụng Luật tạng. Với tư cách là Sa môn, những người cầu học phải tu hành trong Tăng đoàn 20 năm. Đây là thời gian học tập quyết định sau cùng cho Sa môn. Sau khi hoàn thành hạnh Sa môn, Hòa thượng A Xà Lê xuất hiện ở buổi khai hội của những giáo thọ sư – Tăng già với những người cầu học. Trong buổi khai hội này, những giáo thọ

sư – Tăng già kiến nghị những người cầu học tu tập Đại giới (227 giới) và truyền giới Tỳ kheo cho họ. Việc giáo dục Tăng đoàn hiện tại, hệ thống này cũng đang phát sinh trong nhiều nơi.

3. NHU CẦU TRẺ EM TIẾP NHẬN GIÁO DỤC PHẬT PHÁP (TUỔI THIẾU NIÊN)

Xã hội cần những thành viên tuổi trẻ có trái tim nhân từ. Vì thế họ phải có kiến thức và tu tập Phật pháp. Họ phải được khuyến khích học tập từ bi, văn an, liêm khiết, chánh trực, trí tuệ và tâm bình đẳng. Mục đích của giáo dục Phật giáo là khiến cho trẻ em trở thành công dân tốt, những người yêu nước. Họ phải có cách nhìn về những giá trị nhân loại ưu tú.

4. HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐẠI CHÚNG

Trong giáo dục Phật giáo, không chỉ có Tỳ kheo mà còn có dân chúng được cơ hội giáo dục rất tốt. Từ biên giới tây bắc Ấn Độ đến Tamralipti hay Tamluk, phía đông của thành phố Bangalore, khu đất trù phú này rất nhiều tịnh xá. Khách du lịch Trung Quốc nổi tiếng, Pháp Hiền nói rằng ông thấy nhiều tịnh xá khắp Ấn Độ và Pataliputra là trung tâm Phật giáo và tu tập giáo pháp. Trong thời đại của vua Harshabardan năm 629 dương lịch, ngài Huyền Trang đã có viết trong một quyển sách rằng, ở Ấn Độ trong thời kỳ đó có khoảng năm ngàn tịnh xá và hơn hai triệu hai trăm ngàn tỳ kheo và các học sinh lưu trú trong các tịnh xá. Ngoài ra, nhiều học giả tên tuổi từ khắp nơi đi đến đó nghiên cứu, những giáo sư nổi tiếng dạy trong những tịnh xá đó. Thanh danh của tịnh xá đã chuyển biến cả thế giới. Do đó, không chỉ có sinh viên địa phương mà còn nhiều sinh viên nước ngoài đi đến đó để nghiên cứu. Một số nhân vật nổi tiếng là ngài Vô Trước, Thế Thân, Phật Âm, tôn giả Bạt Đà La..., họ vui thích học tập trong những tịnh xá đó. Những sinh viên trong những tịnh xá này nhận được sự giáo dục sơ cấp và cao đẳng. Giai đoạn đầu, những sinh viên trình độ sơ cấp học về bảng chữ cái tiếng Sanskrit với cấu trúc bởi nguyên âm và phụ âm. Sau đó họ bắt đầu học năm loại văn bản, đó là: (1) Ngũ pháp, (2) Khoa học mỹ nghệ

và công nghệ, (3) Khoa học Y học, (4) Logic học, và (5) Triết học. Vì thế, rất rõ ràng rằng, ở giai đoạn tiểu học, bao gồm hai loại: giáo dục tôn giáo và giáo dục thể tục. Sau đó để tiếp nhận giáo dục cao đẳng sinh viên phải chọn lựa một trong năm môn và phải tinh thông nó. Mỗi tỉnh xá có hai loại trường – học viện đối ngoại và học viện nội vụ.

Loại trường đầu tiên là cho quần chúng. Bất cứ ai không phải là Phật tử đều có thể tiếp nhận giáo dục từ loại trường đó. Loại trường thứ hai là trường Sa môn. Theo sự miêu tả của Tôn Trung Sơn là có hai loại sinh viên. Một loại sinh viên học tập Phật pháp để vào Tăng đoàn và loại sinh viên khác học về giáo nghĩa thể tục như là nông nghiệp, thương nghiệp, nuôi dưỡng súc vật, kế toán và y học thảo dược... Lễ xuất gia không cần áp dụng cho loại sinh viên thứ hai. Các tỉnh xá không cung cấp cho họ bất cứ tài chính nào cũng như là họ không có sự ủng hộ của gia đình. Tôn Trung Sơn đã tiến hành sự miêu tả lần lượt có liên quan với hệ thống giáo dục Phật giáo trong sự căn cứ độ tuổi của sinh viên. Việc học bắt đầu từ sáu tuổi. Học ngữ pháp được coi trọng lúc tám tuổi. Lúc mười tuổi, họ hoạch định trình độ học tập ngữ pháp cao hơn và lúc mười lăm tuổi họ học ngữ pháp với nhà ngữ pháp học nổi tiếng Panini, bài diễn thuyết vĩ đại của Patanjali, logic học và luận tạng. Thêm vào đó, Sa môn học kinh, luật và triết học Phật giáo khác. Đối với giáo dục cao đẳng, sinh viên đăng ký vào trường Nalanda, Taxila, Bikrampur, Odantapuri... Bên cạnh đó, một số tỉnh xá nổi tiếng nhất là tỉnh xá Kaniska ở Peshoyar (bây giờ ở Pakistan), tu viện Puskarbati, tu viện Udyan ở biên giới Tây Bắc, tu viện Tilaksree, tu viện Raktamrita ở vùng thảo nguyên Suvarna – Karna, tu viện Kancipur ở miền Nam, tỉnh xá Pundit ở Chittagong, hai tu viện của Phật giáo nguyên thủy và Phật giáo đại thừa ở Pataliputra, tỉnh xá Nagardan ở Jalandhar, tu viện Matipur, tỉnh xá Bhadra của những tu viện Kanyakujja, Purbashel và Abarshel... Trong những tu viện đó, có những thư viện rộng lớn để bồi dưỡng tri thức. Trong những thư viện này có nhiều kinh điển cổ đại.

Ngoài ra, có 18 loại hoạt động chuyên nghiệp trong thời kỳ của Đức Phật được liệt kê sau đây. Nhưng Đức Phật đã nghiêm khắc

cấm chỉ những hoạt động chuyên nghiệp từ số 10-13.

1. Thợ mộc
2. Thợ thiết
3. Thợ thủ công đá ngọc
4. Thợ dệt
5. Thợ làm giày
6. Thợ đồ gốm
7. Thợ ngà voi
8. Thợ sơn
9. Thợ vàng bạc
10. Nghề đánh cá
11. Nghề đồ tể
12. Nghề săn bắn
13. Nghề nấu ăn và nấu kẹo
14. Nghề hớt tóc
15. Nghề bán hoa và mua hoa
16. Nghề thủy thủ
17. Nghề đan giỏ
18. Nghệ thuật.

5. GIÁO DỤC PHỤ NỮ

Quá trình giáo dục người phụ nữ vào Tăng đoàn đã bắt đầu trong cuộc đời Đức Phật. Theo sự yêu cầu của bà Mahaprajapati Goutami, Đức Phật trực tiếp cho phép những người phụ nữ gia nhập Tăng đoàn. Ngoài việc làm công việc nhà, những đệ tử nữ này vẫn tích cực tham gia những hoạt động như là phúc lợi xã hội, cung cấp phục vụ cho những nạn nhân, giúp đỡ những người khác... Nhiều bậc trí tuệ, những người phụ nữ hữu ích và

tinh tấn được đưa vào trong kinh điển Phật giáo có tên là Trường Lão Ni Kệ, những kinh điển này bây giờ trở thành truyền thuyết. Tăng đoàn có trách nhiệm giảng dạy những người phụ nữ giống như những tỳ kheo khác. Những tỳ kheo ni cũng phải giữ chế độ độc thân và được dạy luật và giáo pháp khác. Dưới sự ân sủng của Tăng đoàn Phật giáo, việc giáo dục những người phụ nữ đã phổ cập khắp Ấn Độ.

6. HAI LOẠI GIÁO DỤC

Có hai loại giáo dục trong hệ thống giáo dục Phật giáo: (1) Hòa thượng đàn đầu A xà lê, (2) Giáo thọ sư Tăng đoàn. Giáo thọ sư Tăng đoàn thường đọc quy tắc luật trước sự hiện diện của Hòa thượng đàn đầu. Sa môn phải trải qua hai mươi năm trong Tăng đoàn. Sau khi hoàn thành thời kỳ Sa môn, Hòa thượng đàn đầu cùng với sinh viên tham dự buổi họp của giáo thọ sư Tăng đoàn. Giáo thọ sư Tăng đoàn dạy Sa môn giới luật của Tăng đoàn. Cả hai Hòa thượng đàn đầu và Giáo thọ sư Tăng đoàn tiếp tục sinh hoạt việc học tập của Sa môn. Cả đời Sa môn đều là độc thân cho nên không có gì có thể cấm chỉ việc học tập của họ. Nhu cầu của Sa môn rất ít. Lúc bấy giờ, những người làm công tác giáo thọ sư nhận thù lao rất thấp, chỉ cao hơn gấp ba lần lương hằng tháng của sinh viên.

7. QUAN HỆ GIỮA GIÁO THỌ VÀ SINH VIÊN

Trong hệ thống giáo dục Ấn Độ cổ đại, sự quan hệ giữa giáo thọ và sinh viên rất là đồng tâm hiệp lực. Hệ thống giáo dục Phật giáo có thể nói là như thế. Tôn Trung Sơn nói rằng sinh viên đến với các giáo thọ sư để học vào buổi sáng và chiều mỗi ngày. Sinh viên phụng sự hết sức để phục vụ giáo thọ sư của họ, ngay cả lau sạch phòng ngủ của giáo thọ sư cũng là trách nhiệm của sinh viên. Ngược lại, giáo thọ sư chiếu cố những sinh viên bị bệnh và cung cấp bảo hiểm y tế cho họ. Sinh viên phục tùng giáo thọ sư vì kiến thức cao thâm của giáo thọ sư và giáo thọ sư cũng yêu sinh viên của họ từ nội tâm phát ra. Nghe nói rằng, Anguliamal sẵn sàng tình nguyện cắt ngón tay của mẹ ông để trả ơn cho giáo thọ sư.

8. MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

Đức Phật dạy Sa môn bằng tri thức siêu việt để giáo dục đại chúng. Đức Phật diễn thuyết bằng ngôn ngữ Magadhi, Prakrit và Pali để thay thế ngôn ngữ Ấn Độ cổ đại Sanskrit lúc đó. Ngay cả thời đại Ashoka trưởng lão Đạo sư Tăng già đã giảng giáo pháp của Đức Phật và sáng tác kinh điển bằng ngôn ngữ Koshal Magada nghĩa là ngôn ngữ Magadi/Prakrit và Pali. Do đó, trong hệ thống giáo dục đại chúng, ngôn ngữ bình dân được sử dụng rộng rãi và được công nhận trong giáo dục đại chúng.

9. ĐẶC ĐIỂM CỦA HỆ THỐNG GIÁO DỤC PHẬT GIÁO

Trong hệ thống giáo dục Ấn Độ cổ đại, giáo dục Phật giáo đã hoạch được ý nghĩa vĩ đại vì sự đặc thù của chính nó.

Thứ nhất, giáo dục Phật giáo là để mở đường cho những dạng người không có lòng tin Phật trong mọi giai tầng, tín ngưỡng, màu da, giai cấp và giới thứ ba, giáo dục Phật giáo được xác lập lý tưởng dân chủ trong hệ thống giáo dục Ấn Độ cổ đại.

Thứ hai, hệ thống giáo dục khu dân cư trong giáo dục Phật giáo lan rộng khắp nơi. Trong hệ thống giáo dục như thế, tỳ kheo trong Tăng đoàn có cơ hội hợp tác với lòng từ bi, tự lập và phát triển nhân cách của họ.

Thứ ba, vì sinh viên của Tăng đoàn Phật giáo quá đông cho nên chế độ lớp học phải được đưa vào. Vì có hai loại nhà giáo để giảng dạy, cho nên việc phân tích ưu điểm của học sinh là hợp lý.

Thứ tư, giáo dục Phật giáo đã xác lập lý tưởng đại chúng hóa giáo dục lần đầu tại Trung Quốc. Vì ngôn ngữ bốn quốc là môi giới của giáo dục, phương thức học tập trở nên dễ hơn và năng lực đọc viết cũng được đề cao.

Thứ năm, vì tịnh xá và tu viện được xác lập bởi những người cúng dường. Cho nên trường phổ thông được sáng lập ở Ấn Độ ban đầu do đệ tử Phật tài trợ. Sự truyền bá Phật giáo cũng đã thúc đẩy sự truyền bá hệ thống giáo dục Phật giáo. Trong sự tuần hoàn, chúng

tôi thấy rằng từ triều đại Ashoka đến Pala ở Bengal, Indo-Banga đã đạt được thời đại hoàng kim của văn hóa và văn minh Phật giáo. Các tịnh xá đã trở thành trung tâm giáo dục khu dân cư. Các tịnh xá này được xây dựng từ những vương quốc đương đại, sự cúng dường của nhân dân và phú nhân. Trong quá trình đó, các tịnh xá trở thành các trường đại học. Taxlia, Nalanda, Bikramsila, Odantapuri.. đã trở thành những học viện ký túc xá. Lúc đó, những trường đại học này mở cửa kiến thức trong đại lục, như thế, văn hóa Indo – Banga đã được quốc tế công nhận. Nhiều sinh viên đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Tây Tạng, Nepal, Sinhala và Java học tập trong đó, có sự quản lý trình độ cao về nghiên cứu kinh điển Phật và những kinh điển khác trong Đại tịnh xá. Như thế, Đại tịnh xá trở thành những trung tâm quan hệ văn hóa và quốc tế. Thật là có khả năng cho tịnh xá để xác lập quan hệ văn hóa giữa Đông Á và Indo – Banga. Theo sự phát triển của thời gian, văn minh cũng như văn hóa bây giờ được xem như trở thành hồi chuông huy hoàng trong lịch sử đại lục thứ Ấn Độ, Indo – Banga vẫn cảm thấy rất tự hào về điều này.

10. KIẾN NGHỊ

Mục tiêu của giáo dục Phật giáo nên được toàn diện hơn, phát triển liên tục, hiện đại hóa và có tính phổ biến. Vì phúc lợi của đệ tử Phật giáo toàn thế giới, những đề nghị sau đây là dĩ nhiên cần thiết.

1. Giáo dục Phật giáo nên đảm bảo thực hiện những lý tưởng chủ nghĩa xã hội trong bất cứ quốc gia nào.
2. Loại giáo dục này nên đảm bảo sự bảo hộ quyền lợi của người phụ nữ và quyền được ủy thác của họ.
3. Loại giáo dục này nên đảm bảo sự bảo vệ môi trường không bị ô nhiễm.
4. Loại giáo dục này nên được giải quyết vấn đề toàn cầu về phương thức không bạo lực.
5. Loại giáo dục này nên đảm bảo sự lý giải tự nhiên, hợp tác và hài hòa giữa đệ tử Phật giáo các nơi trên thế giới.
6. Loại giáo dục này nên đảm bảo phúc lợi, tính phát triển,

chánh nghĩa, công bằng, nhân quyền, hòa bình, hòa giải, chánh sách không bạo lực, không vũ khí, tính đồng nhất, tính chân thật và tính rộng rãi.

7. Loại giáo dục này nên được chúc phúc giống như “Nguyện cho dung nham như mưa, những tảng đá bị đốt nóng và vũ khí từ bây giờ trở đi trở thành một trận mưa hoa đầy màu sắc khiến cho tâm người ta từ bi.” Nguyện cho mọi người đang chiến đấu với vũ khí phi thường từ bây giờ trở đi được sự giao lưu hoạt bát của những đóa hoa thơm và lạc quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Buddhism and Non-violence Global Problem-solving. Ed. By Glenn D. Paige and Sarah Gilliatt (Honolulu, Hawaii: University of Hawaii, 1991).
2. V.A Samith, Oxford History of India.
3. Jyotsna Bikash Chowdhury, Sikkar Itihas (in Bengali) (History of Education), Chittagong, 1985.
4. Jitendra Lal Barua, Bangladesher Bouddha Dharma O Bouddha Sompraday (Dhaka: Bangla Academy, 1999).
5. Benarjee, A.C.: Bauddha Sahitya O Siska-diskar Ruprekha (Bengali) Calcutta University, 1987.pp. 63-64.
6. Biswavidyalayer Rup (Bengali), Siska, Rabindra Racanabali, Part xi. P.681.
7. Altekar, A.S.; Education In Ancient India. (5th Edition), 1957, p. 234.

